Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Thăng Long
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Thăng Long
DN: C=VN, L=13 Minh Khai - Phường Nguyễn Du - Thành phố Nam Định - Nam Định, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0600004422, O=Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Thăng Long, E=quan.chu@sisi.vn, CN=Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Thăng Long
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.03.31 17:24:08+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	8 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 29 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Tầng 4, số 459C phố Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

SỰ KIỆN TRỌNG YẾU TRONG NĂM

Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư Sao Thăng Long về việc: Thông qua chi tiết chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022 ngày 17/05/2022, Công ty dự kiến chào bán và phát hành thêm 115.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 1.150.000.000.000 VND trong năm 2022 với mục đích mua lại cổ phần của các cổ đông tại Công ty cổ phần du lịch sinh thái Kim Lan.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long ngày 05 tháng 09 năm 2022 thông qua:

- Tờ trình số 16/2022/TTr-HĐQT về việc dừng thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022 và xây dựng phương án chào bán mới;
- Tờ trình số 17/2022/TTr-HĐQT về việc thông qua phương án chào bán riêng lẻ. Theo Tờ trình này kế hoạch tăng vốn năm 2022 dự kiến tăng thêm 67.500.000 cổ phiếu với tổng trị giá 675.000.000.000 đồng với hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Đối tượng chào bán là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Thời gian dự kiến chào bán trong Quý 4/2022 – Quý 1/2023. Mục đích chào bán nhận chuyển nhượng tài sản là Trung tâm Thương mại Chợ Mơ.

Đến thời điểm 31/12/2022, đơn vị chưa thực hiện xong việc chào bán này.

Trong năm 2022, đơn vị thực hiện giao dịch đầu tư cổ phần Công ty CP Chợ Mơ theo 3 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần lần lượt tại các ngày 31/08/2022; 21/09/2022 và 20/12/2022 từ Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan. Theo đó, đến thời điểm 31/12/2022, Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long nắm giữ 49% cổ phần của Công ty CP Chợ Mơ.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ngày 12/01/2023, Công ty có bổ nhiệm Ông Đoàn Văn Cường giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty, đồng thời miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với Bà Phạm Thị Nhài.

Ngoài vấn đề nêu trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT – Đại diện pháp luật	
Ông Ngô Quang Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm, ngày 21/03/2022
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên	
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm, ngày 21/03/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty, Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm, ngày 21/07/2022
Bà Phạm Thị Nhài	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm, ngày 24/01/2022 Miễn nhiệm, ngày 12/01/2023
Ông Đoàn Văn Cường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm, ngày 12/01/2023

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên	Bổ nhiệm, ngày 21/03/2022
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm, ngày 21/03/2022
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm, ngày 05/09/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, Công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty năm tài chính tiếp theo.
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan về lập báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2023
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Đại diện pháp luật)

Nguyễn Đức Hiếu

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 215/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2022
của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày từ trang 08 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính cho kỳ kế toán theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội
Add: Floor 12 West Tower, Hancorp Plaza Building, 72 Tran Dang Ninh, Cau Giay, Ha Noi
Tel: (04) 37425 888 - Fax : (04) 37578 666
Website: http://kiemtoanttp.com - http://kiemtoanttp.vn *Email:ttp@kiemtoanttp.com

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của ***Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long*** tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Hạnh
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0726 –2023 –133 -1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Kiểm toán viên

Nguyễn Hà Phương
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 4033–2023–133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**18.686.808.556**	**124.222.118.894**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	3	**367.586.056**	**2.820.342.797**
1. Tiền	111		367.586.056	2.820.342.797
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	4	**1.759.954.800**	**107.230.733.220**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.011.980.754	109.023.849.274
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*	122		(3.252.025.954)	(1.793.116.054)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.a	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**16.499.086.835**	**14.071.505.228**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	-	12.325.609.845
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	75.000.000	1.054.043.732
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	16.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	424.086.835	2.507.865.228
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	9	-	(1.816.013.577)
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**60.180.865**	**99.537.649**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	700.003	60.234.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.480.862	39.303.316
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**390.349.805.084**	**246.946.335.082**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	4	**390.210.567.651**	**246.946.335.082**
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.328.498.833	8.328.498.833
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		301.962.500.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		80.000.000.000	180.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(80.431.182)	(582.163.751)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	59.200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**139.237.433**	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	53.401.041	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		85.836.392	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**409.036.613.640**	**371.168.453.976**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**13.416.112.536**	**10.731.209.167**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**13.416.112.536**	**7.458.803.295**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	15.834.240	6.834.244
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	-	1.376.411.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	12.188.353.464	6.075.557.951
4. Phải trả người lao động	314		227.999.832	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		983.925.000	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	**3.272.405.872**
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	3.272.405.872
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**395.620.501.104**	**360.437.244.809**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	14	**395.620.501.104**	**360.437.244.809**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		323.000.000.000	323.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		323.000.000.000	323.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		113.603.333	113.603.333
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(437.449.533)	(437.449.533)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		291.971.737	291.971.737
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.652.375.567	37.469.119.272
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.741.525.144	(5.899.057.943)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.910.850.423	43.368.177.215
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**409.036.613.640**	**371.168.453.976**

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Đại diện pháp luật)
Đoàn Văn Cường	Đoàn Văn Cường	Nguyễn Đức Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	124.818.184	1.297.918.112
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		124.818.184	1.297.918.112
4. Giá vốn hàng bán	11	16	103.000.002	1.120.793.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		21.818.182	177.125.112
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	57.022.358.507	54.725.788.021
7. Chi phí tài chính	22	18	12.235.775.901	810.521.233
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	21	36.000.000	171.375.813
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	1.986.045.623	1.025.840.683
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		42.786.355.165	52.895.175.404
11. Thu nhập khác	31	19	1.376.466.104	40.000.000
12. Chi phí khác	32	20	171.998.914	199.096.991
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.204.467.190	(159.096.991)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		43.990.822.355	52.736.078.413
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	12.165.808.324	6.095.495.326
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(85.836.392)	3.272.405.872
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		31.910.850.423	43.368.177.215

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Đại diện pháp luật)
Đoàn Văn Cường	Đoàn Văn Cường	Nguyễn Đức Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Phương pháp gián tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	**43.990.822.355**	**52.736.078.413**
2. Điều chỉnh cho các khoản		**(57.733.834.753)**	**(89.759.874.310)**
- Khấu hao tài sản cố định	02	-	
- Các khoản dự phòng	03	(858.836.246)	(35.681.256.425)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(56.874.998.507)	(54.078.617.885)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	**(13.743.012.398)**	**(37.023.795.897)**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	15.282.418.032	34.770.743.946
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(47.104.741)	(118.061.568)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.133.289	23.510.390
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	104.011.868.520	
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.075.557.950)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**99.434.744.752**	**(2.347.603.129)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(83.494.651.300)	(168.223.849.274)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	126.694.651.300	49.748.493.151
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(322.975.100.000)	(180.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	121.012.600.000	261.993.750.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.874.998.507	40.697.178.159
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(101.887.501.493)**	**4.215.572.036**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(2.452.756.741)**	**1.867.968.907**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**2.820.342.797**	**952.373.890**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**367.586.056**	**2.820.342.797**

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Đại diện pháp luật)
Đoàn Văn Cường	Đoàn Văn Cường	Nguyễn Đức Hiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 29 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 32.300.000 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 31/12/2022 là: 12 người.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Tầng 4, số 459C phố Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Cơ cấu tổ chức :

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty này như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong năm
1	Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định	Kinh doanh sách giáo khoa

2	Công ty CP Chợ Mơ	49%	49%	TP Hà Nội	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính

Trong năm đơn vị có thực hiện mua sở hữu 49% Công ty CP Chợ Mơ từ Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan theo 3 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3181/2022/HĐCNCP ngày 31/08/2022; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 21092/2022/HĐCNCP ngày 21/09/2022 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2012/2022/HĐCNCP ngày 20/12/2022. Giá mua cổ phần đã thực hiện là 72.500 đồng/cổ phiếu (mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu).

Từ năm 2019, Công ty có thay đổi hoạt động kinh doanh sang quy mô đầu tư tài chính. Vì vậy, thu nhập trong năm 2022 chủ yếu là doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến lãi hoạt động chuyển nhượng cổ phần và đầu tư trái phiếu.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

2.13. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	86.997.585	2.774.342.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	280.588.471	46.000.058
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VNĐ)	*280.588.471*	*46.000.058*
Cộng	**367.586.056**	**2.820.342.797**

4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	-	-
Chứng khoán kinh doanh (*)	5.011.980.754	(3.252.025.954)	109.023.849.274	(1.793.116.054)
Dài hạn				
Trái phiếu			59.200.000.000	
Cộng	**5.011.980.754**	**(3.252.025.954)**	**168.223.849.274**	**(1.793.116.054)**

(*) Chi tiết chứng khoán kinh doanh cuối năm

- Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu dầu khí Nam Định: Số lượng 231.573 CP, giá trị 5.011.980.754 VNĐ. Đơn vị thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022. Cụ thể như sau:

	SL CP	*Giá gốc*	*Giá tại ngày 31/12/2022*	*Dự phòng*
CP Công ty CP xăng dầu dầu khí Nam Định	*231.573*	*21.643*	*7.600*	*3.252.025.954*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào công ty con	**8.328.498.833**	-	**(80.431.182)**	**8.328.498.833**	-	**(582.163.751)**
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	8.328.498.833	(*)	(80.431.182)	8.328.498.833	(*)	(582.163.751)
Cộng	**8.328.498.833**		**(80.431.182)**	**8.328.498.833**		**(582.163.751)**
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	**301.962.500.000**	-	-	-	-	-
Công ty CP Chợ Mơ (1)	301.962.500.000	(*)	-			-
Cộng	**301.962.500.000**		-	-		-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**80.000.000.000**	-	-	**180.000.000.000**	-	-
Công ty Cổ phần du lịch sinh thái Kim Lan				100.000.000.000	(*)	
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	80.000.000.000	(*)		80.000.000.000	(*)	
Cộng	**80.000.000.000**		-	**180.000.000.000**		-

(1) Trong năm đơn vị thực hiện việc đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Chợ Mơ từ Công ty CP Dư lịch sinh thái Kim Lan theo 3 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3181/2022/HĐCNCP ngày 31/08/2022; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 21092/2022/HĐCNCP ngày 21/09/2022 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2012/2022/HĐCNCP ngày 20/12/2022. Đến thời điểm 31/12/2022, giá trị đầu tư vào công ty CP Chợ Mơ cụ thể như sau

	Số lượng CP	Mệnh giá CP (VND)	Giá mua/CP (VND)	Tổng giá trị mua (VND)
Công ty CP Chợ Mơ	4.165.000	10.000	72.500	301.962.500.000

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con của công ty tại ngày 31/12/2022 như sau:

Tên	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục Nam định	99,88%	Nam Định	Kinh doanh sách giáo khoa

Thông tin chi tiết về đầu tư vào Công ty liên kết, Công ty khác của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chợ Mơ	49,00%	Số 12 ngõ 69 phố ái Mộ. - Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - Hà Nội.	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa
Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex	10,00%	Số 459 Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

5. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	**-**	**12.325.609.845**
KL TP Nam Định (vở luyện C1)		313.921.200
KL Hải Hậu (vở luyện C1)		151.668.800
KL Công nghệ GD C1 (Nam Trực)		136.000.250
Đàm Mạnh Quân		3.500.000.000
Nguyễn Thùy Linh		8.000.000.000
Các khách hàng khác		224.019.595
Cộng	**-**	**12.325.609.845**

6. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	**75.000.000**	**1.054.043.732**
Công ty TNHH Kiểm toán TTP	75.000.000	-
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang		981.687.700
Các đối tượng khác		72.356.032
Cộng	**75.000.000**	**1.054.043.732**
Số dư các bên liên quan	-	-

7. Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**16.000.000.000**			
Công ty CP Đầu tư Công nghệ SMARTTECH (*)	16.000.000.000	-	-	-
b. Dài hạn				
Cộng	**16.000.000.000**	**-**	**-**	**-**

(*): - Hợp đồng cho vay số 01/2022/HĐCV-DST-SMARTTECH ngày 20/12/2022 giữa DST và Công ty CP Đầu tư Công nghệ SMARTTECH
+ Số tền cho vay: 16 tỷ đồng
+ Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh
+ Thời hạn cho vay: 12 tháng
+ Lãi suất vay: 8%/năm

8. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**424.086.835**	**-**	**2.507.865.228**	**-**
Tạm ứng	50.000	-	-	-
Phải thu khác (*)	424.036.835		2.507.865.228	
Dài hạn	**-**	**-**	**-**	**-**
Cộng	**424.086.835**	**-**	**2.507.865.228**	**-**
Số dư các bên liên quan	**381.136.461**		**2.507.865.228**	

(Chi tiết các bên liên quan tại thuyết minh số 28)

(*) Chi tiết phải thu khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty cổ phần du lịch sinh thái Kim Lan		13.150.685
Công ty cổ phần đầu tư công nghệ Smarttech	42.082.192	
Công ty cổ phần Quản lý tài sản Pyxis (Tên cũ là Công ty TNHH Thời trang & May mặc Demoda)		2.113.578.082
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	381.136.461	381.136.461
Các khoản khác	818.182	
Cộng	**424.036.835**	**2.507.865.228**

9. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	**1.817.153.577**	**1.140.000**
KL TP Nam Định (vở luyện C1)		-	313.921.200	
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang		-	981.687.700	
KL Hải Hậu (vở luyện C1)		-	151.668.800	
KL Công nghệ GD C1(Nam Trực)		-	136.000.250	-
Các đối tượng khác			233.875.627	1.140.000
Tổng	**-**	**-**	**1.817.153.577**	**1.140.000**

Ngày 31/12/2022, đơn vị đã thực hiện xóa một số khoản công nợ khó đòi đã trích lập dự phòng 100% được trên 3 năm theo Quyết đinh số 12-02/2022/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2022 của Hội đồng quản trị.

10. Chi phí trả trước	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	**700.003**	**60.234.333**
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		60.234.333
Chi phí trả trước khác	700.003	-
Dài hạn	**53.401.041**	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	53.401.041	-
Cộng	**54.101.044**	**60.234.333**

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**15.834.240**	**15.834.240**	**6.834.240**	**6.834.240**
Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục Nam định	9.000.000	9.000.000		-
Khác	6.834.240	6.834.240	6.834.240	6.834.240
Cộng	**15.834.240**	**15.834.240**	**6.834.240**	**6.834.240**
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**15.834.240**	**15.834.240**	**6.834.240**	**6.834.240**

c. Các bên liên quan	**Mối quan hệ**	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục	Công ty con	9.000.000	
Cộng		**9.000.000**	-

12. Người mua trả tiền trước	**Số cuối năm VND**	**Số đầu năm VND**
Ngắn hạn	-	**1.376.411.100**
Công ty CP Đầu tư và Thương Mại NKC Việt Nam		1.376.411.100
Cộng	-	**1.376.411.100**

Đây là khoản Công ty CP đầu tư và Thương mại NKD Việt Nam chuyển tiền cho Công ty theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán than năm 2017 số 0609/2017/NABECO-NKC được ký ngày 6/9/2017.
Ngày 31/12/2022, đơn vị đã thực hiện xử lý khoản tiền khách hàng trả tiền trước Quyết đinh số 12-02/2022/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số thực nộp	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.075.557.951	12.165.808.324	6.075.557.950	12.165.808.325
Thuế Thu nhập cá nhân	-	51.223.486	28.678.347	22.545.139
Thuế Tài nguyên	-			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.306.355	1.306.355	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**6.075.557.951**	**12.221.338.165**	**6.108.542.652**	**12.188.353.464**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**323.000.000.000**	**113.603.333**	**291.971.737**	**(437.449.533)**	**(5.899.057.943)**	**317.069.067.594**
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước					43.368.177.215	43.368.177.215
- Chi cổ tức						-
- Trích lập các quỹ						-
- Giảm vốn trong năm trước						-
- Giảm khác						-
Số dư đầu năm nay	**323.000.000.000**	**113.603.333**	**291.971.737**	**(437.449.533)**	**37.469.119.272**	**360.437.244.809**
- Tăng vốn trong năm nay						-
- Lãi trong năm nay					31.910.850.423	31.910.850.423
- Tăng khác					3.272.405.872	3.272.405.872
- Trích lập các quỹ						-
- Chi cổ tức						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	**323.000.000.000**	**113.603.333**	**291.971.737**	**(437.449.533)**	**72.652.375.567**	**395.620.501.104**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Các cổ đông khác	323.000.000.000	100,0%	323.000.000.000	100,0%
Cộng	**323.000.000.000**	**100,0%**	**323.000.000.000**	**100,0%**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	323.000.000.000	323.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	323.000.000.000	323.000.000.000

d. Cổ phiếu	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*32.300.000*	*32.300.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*81.000*	*81.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*32.219.000*	*32.219.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa	94.818.184	1.297.918.112
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.000.000	
Cộng	**124.818.184**	**1.297.918.112**

16. Giá vốn hàng bán	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa	94.818.184	1.120.793.000
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.181.818	
Cộng	**103.000.002**	**1.120.793.000**

17. Doanh thu hoạt động tài chính	**Năm nay**	**Năm trước**
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	257.935.399	1.475.703.641
- Lãi mua bán cổ phần	51.695.360.340	-
- Lãi do thanh lý các khoản đầu tư		48.001.250.000
- Lãi trái phiếu	4.921.702.768	5.248.834.380
- Nhận cổ tức cổ phiếu kinh doanh	147.360.000	
Cộng	**57.022.358.507**	**54.725.788.021**

18. Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền vay		
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	957.177.331	163.351.097
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư		647.170.136
- Lỗ mua bán cổ phần	11.094.851.920	
- Khác	183.746.650	
Cộng	**12.235.775.901**	**810.521.233**

19. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu nhập khác	1.376.466.104	40.000.000
Cộng	**1.376.466.104**	**40.000.000**

20. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	171.137.148	2.485.521
- Vi phạm hợp đồng	-	
- Khác	861.766	196.611.470
Cộng	**171.998.914**	**199.096.991**

21. Chi phí bán hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng	**36.000.000**	**171.375.813**
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	38.684.162
- Chi phí nhân công		80.800.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.000.000	51.891.651
Cộng	**36.000.000**	**171.375.813**

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**1.986.045.623**	**1.025.840.683**
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	51.338.848	29.982.332
- Chi phí nhân công	1.626.510.319	387.538.343
- Thuế, phí, lệ phí	4.036.355	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.545.122	279.246.464
- Chi phí khác bằng tiền	59.614.979	22.851.202
- Chi phí dự phòng		303.222.342
Cộng	**1.986.045.623**	**1.025.840.683**

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**43.990.822.355**	**52.736.078.413**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**16.838.219.265**	**(5.896.572.422)**
Các khoản điều chỉnh tăng	16.985.579.265	2.485.521
- Chi phí không hợp lệ	*194.367.945*	*2.485.521*
- Chênh lệch tạm thời đã loại chi phí các năm trước	*16.791.211.320*	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(147.360.000)	**(5.899.057.943)**
- Thu nhập miễn thuế	*(147.360.000)*	-
- Lỗ năm trước chuyển sang	-	*(5.899.057.943)*
Lợi nhuận chịu thuế	**60.829.041.620**	**46.839.505.991**
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12.165.808.324	6.095.495.326
Thuế TNDN phải nộp trong năm	**12.165.808.324**	**6.095.495.326**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại do chênh lệch trích lập dự phòng theo TT48/2019 và thông tư 200	**(85.836.392)**	**3.272.405.872**

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(85.836.392)	3.272.405.872

25. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	367.586.056		2.820.342.797	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	424.086.835	-	14.833.475.073	(1.816.013.577)
Các khoản cho vay	16.000.000.000		-	
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754	(3.252.025.954)	109.023.849.274	(1.793.116.054)
Đầu tư dài hạn	80.000.000.000		239.200.000.000	
Cộng	**101.803.653.645**	**(3.252.025.954)**	**365.877.667.144**	**(3.609.129.631)**

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	999.759.240	6.834.244
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	**999.759.240**	**6.834.244**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	367.586.056			367.586.056
Phải thu khách hàng, phải thu khác	424.086.835	-		424.086.835
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-		16.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754			5.011.980.754
Đầu tư dài hạn		80.000.000.000		80.000.000.000
Cộng	**21.803.653.645**	**80.000.000.000**	**-**	**101.803.653.645**
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.820.342.797			2.820.342.797
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.833.475.073	-		14.833.475.073
Đầu tư ngắn hạn	109.023.849.274			109.023.849.274
Đầu tư dài hạn		239.200.000.000		239.200.000.000
Cộng	**126.677.667.144**	**239.200.000.000**	**-**	**365.877.667.144**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả người bán, phải trả	999.759.240	-	-	999.759.240
Chi phí phải trả	-	-		-
Cộng	**999.759.240**	**-**	**-**	**999.759.240**
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả người bán, phải trả	6.834.244	-	-	6.834.244
Chi phí phải trả	-	-		-
Cộng	**6.834.244**	**-**	**-**	**6.834.244**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 12/01/2023, Công ty có bổ nhiệm Ông Đoàn Văn Cường giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty, đồng thời miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với Bà Phạm Thị Nhài.
Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.
Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	124.818.184	124.818.184
Chi phí bộ phận	103.000.002	103.000.002
Kết quả kinh doanh bộ phận	**21.818.182**	**21.818.182**
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		**2.022.045.623**
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(2.000.227.441)
Doanh thu hoạt động tài chính		57.022.358.507
Chi phí tài chính		12.235.775.901
Thu nhập khác		1.376.466.104
Chí phí khác		171.998.914
Thuế TNDN hiện hành		12.165.808.324
Thuế TNDN hoãn lại		(85.836.392)
Lợi nhuận sau thuế		**31.910.850.423**

28. Nghiệp vụ và các số dư Bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Du lịch Sinh thái Kim Lan	Công ty đầu tư khác đến ngày 31/8/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	Công ty con
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	Công ty đầu tư khác đến ngày 21/09/2022
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	Ông Trần Minh Tuấn là thành viên HĐQT Công ty đồng thời là thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Smart Invest
Ông Bùi Việt Dũng	Tổng giám đốc
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng giám đốc đến ngày 21/07/2022

Công ty có các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

b. Giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay VND
Công ty CP du lịch sinh thái Kim Lan	
Phát sinh lãi Trái phiếu	999.452.055
Thu tiền lãi trái phiếu	1.012.602.740
Thu tiền bán trái phiếu	20.000.000.000
Thanh toán tiền mua cổ phần Chợ Mơ	108.750.000.000
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	
Phát sinh lãi Trái phiếu	3.131.704.109
Thu tiền lãi trái phiếu	4.446.246.575
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	
Chi hộ	
Thuê văn phòng	9.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	
Phí UTTB CK	43.386.250
Chi phí lưu ký	7.125.751
Chi phí giao dịch	141.343.800
Doanh thu cho thuê văn phòng	33.000.000

c. Số dư với các bên liên quan

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác		
Công ty cổ phần Quản lý tài sản Pyxis		2.113.578.082
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	381.136.461	381.136.461
Công ty CP du lịch sinh thái Kim Lan		13.150.685
Phải trả nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	9.000.000	

d. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Bùi Việt Dũng	Tổng giám đốc	208.160.000
Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng giám đốc đến ngày 21/07/2022	17.953.333

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Đại diện pháp luật)
Đoàn Văn Cường	Đoàn Văn Cường	Nguyễn Đức Hiếu